

Số: 1095 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu số 02 thị xã Việt Yên,
tỉnh Bắc Giang tỷ lệ 1/2.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng Vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung

về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 189/TTr-SXD ngày 17/12/2024 kèm theo Báo cáo số 502/BC-SXD ngày 17/12/2024; UBND thị xã Việt Yên tại Tờ trình số 422/TTr-UBND ngày 13/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu số 02 thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

- Phân khu số 02 có vị trí giáp trung tâm thị xã Việt Yên, gồm toàn bộ diện tích tự nhiên các phường Vân Trung, Quang Châu, Tăng Tiến, phần lớn phường Nénh, và một phần các phường Ninh Sơn, Quảng Minh, Hồng Thái, được giới hạn cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp với xã Tân Mỹ thuộc thành phố Bắc Giang.

+ Phía Nam giáp với sông Cầu.

+ Phía Đông giáp với các xã Nội Hoàng, Yên Lư thuộc huyện Yên Dũng và xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang.

+ Phía Tây giáp hệ thống đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng.

2. Quy mô lập quy hoạch

Quy mô nghiên cứu quy hoạch khoảng 4.397ha, được xác định tại đồ án Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045 tỷ lệ 1/10.000 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024.

3. Tính chất

- Là khu vực trọng điểm phát triển công nghiệp, đô thị mới, hỗn hợp thương mại dịch vụ phục vụ công nghiệp, logistic mang tính động lực chủ đạo của thị xã Việt Yên, có vai trò quan trọng, thúc đẩy phát triển vùng Tây - Nam tỉnh Bắc Giang.

- Là đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ phía Đông Nam của thị xã Việt Yên và vùng phía Tây tỉnh Bắc Giang.

4. Định hướng phát triển các tiểu khu và đơn vị ở:

Phân khu số 02 - Thị xã Việt Yên được phân vùng thành 05 tiểu khu (11 đơn vị ở) phụ thuộc vào địa hình tự nhiên, các trục giao thông chính và tiềm năng, nội tại phát triển của từng tiểu khu để đề xuất các chức năng và đảm bảo hình thành các đơn vị ở theo chỉ tiêu quy định:

- **Tiểu khu I (03 đơn vị ở):** Vị trí tại phía Nam ĐT.398, phía Tây cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn. Bao gồm một phần diện tích các phường Ninh Sơn, Quảng Minh, Nénh, và Quang Châu. Khai thác lợi thế của tuyến giao thông huyết mạch

ĐT.398 kết nối cao tốc Hà Nội-Lạng Sơn; ĐT.298; Là khu vực đô thị gắn với phát triển công nghiệp, logistics ở phía Nam Thị xã Việt Yên. Trong đó cải tạo nâng cấp và phát triển các khu dân cư phía Nam ĐT.398 gắn với các khu Cảng Ninh Sơn, KCN Tiên Sơn – Ninh Sơn; CCN Trung Sơn - Ninh Sơn; CCN Quang Châu. Bổ sung các tiện ích hạ tầng xã hội, sân chơi công cộng. Xây dựng các tuyến đường mới, cải tạo và nâng cấp đường hiện trạng, đảm bảo an toàn giao thông để khu vực dân cư hiện trạng gắn kết với đô thị mới phát triển bền vững.

+ Quy mô: 1007,98 ha

+ Dân số khoảng: 40.682 người

- **Tiểu khu II (02 đơn vị ở):** Vị trí tại phía Đông cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, phía Nam ĐT.398. Bao gồm một phần diện tích các phường Quang Châu, Nénh và Vân Trung. Phát triển chủ yếu là khu vực dân cư hiện trạng và một phần dân cư mới gắn với KCN Quang Châu. Nâng cấp, cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu, từng bước hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật với khu dân cư mới phát triển gắn liền và phụ trợ cho KCN Quang Châu. Phát huy thế mạnh giao thông, vận tải đường thủy do tiếp giáp trực tiếp với sông Cầu.

+ Quy mô: 814,29 ha

+ Dân số khoảng: 20.771 người

- **Tiểu khu III (02 đơn vị ở):** Vị trí tại phía Đông Nam cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn. Bao gồm một phần diện tích các phường Nénh, Tăng Tiến và Vân Trung. Xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội đầy đủ, hiện đại phục vụ dân cư, người lao động; đồng thời bổ trợ cho các KCN Vân Trung, KCN Quang Châu. Hoàn thành xây dựng các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ dọc theo Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, liên kết phát triển với vùng phía Tây thành phố Bắc Giang.

+ Quy mô: 1058,61 ha

+ Dân số khoảng: 39.309 người

- **Tiểu khu IV (02 đơn vị ở):** Vị trí tại phía Đông cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn. Bao gồm một phần lớn diện tích phường Nénh và một phần Hồng Thái. Phát triển đô thị thương mại dịch vụ gắn với CCN Hoàng Mai, CCN Nénh. Xây dựng đô thị hiện đại phía Đông QL.37, hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối liên khu vực. Bổ sung quỹ đất công cộng, văn hóa, thể thao đảm bảo bán kính phục vụ.

+ Quy mô: 584,84 ha

+ Dân số khoảng: 39.960 người

- **Tiểu khu V (02 đơn vị ở):** Vị trí tại phía Bắc cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn. Bao gồm một phần lớn diện tích phường Tăng Tiến và một phần Hồng Thái, Nénh. Là đô thị phục vụ công nghiệp - dịch vụ, phục vụ cho hệ thống công nghiệp mới của thị xã Việt Yên. Trong đó cải tạo nâng cấp và phát triển các khu dân cư của phường Nénh, phường Hồng Thái gắn với KCN Đình Trám, KCN Việt Hàn. Định hướng quy hoạch xây dựng bổ sung các tiện ích hạ tầng xã hội,

sân chơi công cộng. Tổ chức các không gian xanh cách ly với các khu vực phát triển công nghiệp.

+ Quy mô: 931,28 ha

+ Dân số khoảng: 32.553 người

5. Quy hoạch sử dụng đất toàn khu vực:

STT	Chức năng sử dụng của ô đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm nhà ở	1262,35	28,71
	<i>Đất ở mới</i>	<i>634,70</i>	<i>14,43</i>
	<i>Đất ở hiện trạng</i>	<i>627,65</i>	<i>14,27</i>
2	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	63,53	1,44
3	Y tế	10,10	0,23
4	Văn hóa	23,10	0,53
5	Thể dục thể thao	33,78	0,77
6	Giáo dục	65,31	1,49
	<i>Trường THPT</i>	<i>3,56</i>	<i>0,08</i>
	<i>Trường mầm non, TH, THCS</i>	<i>61,75</i>	<i>1,40</i>
7	Cây xanh sử dụng công cộng	124,87	2,84
8	Cây xanh sử dụng hạn chế	5,92	0,13
9	Cây xanh chuyên dụng	74,69	1,70
10	Sản xuất công nghiệp, kho bãi	1413,15	32,14
11	Khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng	45,80	1,04
12	Đào tạo, nghiên cứu	6,37	0,14
13	Cơ quan, trụ sở	7,34	0,17
14	Khu dịch vụ	79,50	1,81
15	Khu dịch vụ - du lịch	-	-
16	Di tích, tôn giáo	20,77	0,47
17	An ninh	2,51	0,06
18	Quốc phòng	110,93	2,52
19	Đường giao thông	690,41	15,70
20	Bãi đỗ xe	3,93	0,09
21	Nghĩa trang	70,2	1,60
22	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khác	33,08	0,75
23	Sản xuất nông nghiệp	6,06	0,14
24	Rừng sản xuất	47,20	1,07
25	Nuôi trồng thủy sản	1,58	0,04
26	Hồ ao đầm	31,49	0,72
27	Sông suối kênh rạch	163,03	3,71
	Tổng	4397,00	100,00

6. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

6.1. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

a) Các trục không gian chính

- Cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn nối Hà Nội – Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; qua đô thị Việt Yên đoạn phía Nam từ cầu Như Nguyệt (phường Quang Châu) đến phường Tăng Tiến (phía Đông Nam) là trục động lực phát triển công nghiệp của thị xã Việt Yên nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung, kết nối các KCN và đô thị phía Đông Nam thị xã. Trên trục này đã và đang hình thành nhiều KCN, CCN có quy mô lớn từ KCN Quang Châu đến KCN Song Khê - Nội Hoàng.

- ĐT.398 nối các huyện Hiệp Hòa, Yên Dũng, thị xã Việt Yên với QL.37 qua địa phận Hải Dương và QL.18 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh; qua địa bàn thị xã Việt Yên kết nối KCN Quang Châu, Tiên Sơn – Ninh Sơn với các vùng bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể phía Nam của thị xã, đồng thời kết nối các KCN phía Tây của huyện Hiệp Hòa đi vùng công nghiệp tại thành phố Phủ Yên tỉnh Thái Nguyên.

- Trục Đông Nam - Tây Bắc (QL.37): Đây là trục giao thông nối từ KCN Đình Trám đến tỉnh Thái Nguyên đi qua 02 phường Nénh và Bích Động là trung tâm của thị xã Việt Yên hiện nay. Đây cũng là trục kết nối vùng công nghiệp phía Đông Nam, KCN ở đô thị trung tâm và CCN phía Tây với đô thị trung tâm Bích Động, đi vùng công nghiệp Hiệp Hòa và khu vực công nghiệp tỉnh Thái Nguyên. Hai bên trục được phát triển các khu trung tâm dịch vụ vùng và đô thị, các khu dịch vụ hỗn hợp, các khu dân cư đô thị mới và khu trung tâm hành chính đô thị.

b) Định hướng phát triển không gian toàn khu

- Quy hoạch các khu vực phát triển công nghiệp: Khu vực phía Tây Nam thuộc phường Quang Châu bổ sung CCN Quang Châu quy mô khoảng 75ha; Khu vực phía Đông Bắc thuộc phường Nénh và phường Tăng Tiến quy hoạch các CCN, khu vực phường Tăng Tiến là KCN Việt Hàn kéo dài từ cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn đến ĐT.295B.

- Quy hoạch hệ thống logistics theo mô hình ULP có chức năng tổng hợp, bền vững do ứng dụng chuỗi sản xuất - dịch vụ nghỉ ngơi, thương mại + ở và xuất nhập khẩu với hệ thống trung tâm đặt tại phường Ninh Sơn thuộc KCN Tiên Sơn - Ninh Sơn với quy mô khoảng 70ha.

- Phát triển các khu, khu nhà ở liền kề với các KCN để tăng cường các tiện ích hạ tầng phục vụ khu vực công nghiệp trọng điểm. Ngoài ra thành lập KCN Quang Châu 2 với quy mô diện tích khoảng 119ha (KCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng KCN tại Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 18/04/2023)

- Các khu dân cư, đô thị mới phục vụ cho hệ thống công nghiệp được quy hoạch chủ yếu ở khu vực phía Tây và phía Bắc cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, dọc theo trục ĐT.295B và các trục đường liên khu vực quy hoạch mới.

- Khu vực dân cư hiện trạng cần được nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu sống của cư dân và đóng góp vào sự phát triển bền vững của đô thị. Định hướng quy hoạch xây dựng bổ sung các tiện ích hạ tầng xã hội, sân chơi công cộng. Xây dựng các tuyến đường mới, cải tạo và nâng cấp đường hiện trạng, đảm bảo an toàn giao thông để khu vực dân cư hiện trạng gắn kết với đô thị mới phát triển bền vững và ổn định trong lâu dài.

- Đối với hệ thống nhà xã hội dành cho công nhân phục vụ các khu, cụm công nghiệp, tiếp tục thực hiện các dự án nhà ở xã hội và nhà ở công nhân với diện tích khoảng 51,34ha tại phường Nénh, Vân Trung, Quang Châu, đáp ứng dân số khoảng 73.917 người (*Theo quyết định phê duyệt dự án, chủ trương hoặc quy hoạch*).

- Khu vực trọng điểm về quốc phòng được định hướng quy hoạch tập trung ở phường Vân Trung thuộc dãy núi Nham Biền.

6.2. Thiết kế đô thị:

- Khai thác các trục giao thông cấp quốc gia, cấp đô thị và ven sông Cầu là các trục phát triển không gian chủ đạo để bố trí các khu trung tâm đô thị, các trung tâm thương mại và dịch vụ đô thị. Khai thác các khu vực có giá trị tự nhiên, cảnh quan sinh thái, văn hóa lịch sử cho phát triển công viên cây xanh đô thị, phát triển du lịch, bảo tồn môi trường cảnh quan.

- Quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan với hình thái đô thị xanh, mật độ trung bình đến thấp; kiến trúc đô thị có bản sắc, kiến trúc công trình hiện đại và giữ gìn bản sắc. Xây dựng cảnh quan các khu vực điểm nhấn, các trục tổ chức không gian Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn nối Hà nội – Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; qua đô thị Việt Yên đoạn phía Nam từ cầu Như Nguyệt (phường Quang Châu) đến phường Tăng Tiến (phía Đông Nam); QL.37 và ĐT.398 nối các huyện Hiệp Hòa, Yên Dũng, thị xã Việt Yên với QL.37 qua địa phận tỉnh Hải Dương và QL18 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh. Các khu chức năng chính có kiến trúc phù hợp với công năng và tạo được nét đặc trưng cho khu vực. Xây dựng hình ảnh đô thị đặc trưng trên nền tảng phong thổ địa phương, lịch sử văn hoá bản địa, tính dân tộc kết hợp với tính hiện đại. Xây dựng đô thị gắn với không gian xanh, thân thiện với con người và môi trường.

- Tổ chức hệ thống không gian mở gồm các chuỗi không gian cây xanh cảnh quan dọc ven sông, liên kết với các chuỗi cây xanh cảnh quan, vườn hoa đường dạo trong lõi các ô phố, để tạo thành mạng lưới không gian mở liên hoàn, ít hoặc không bị ảnh hưởng bởi giao thông cơ giới, có sức hấp dẫn và thuận lợi để tổ chức các dịch vụ đô thị và dịch vụ du lịch, thuận lợi tổ chức các tuyến đường dạo và đường đi xe đạp - tạo bản sắc cảnh quan, nâng cao chất lượng, cũng như bổ sung sản phẩm của khu đô thị du lịch. Đề xuất về chức năng cho các không gian mở trong khu vực nghiên cứu. Xác định không gian kiến trúc cảnh quan mở về: hình khối kiến trúc, khoảng lùi, cây xanh, quảng trường. Thiết kế đường dạo uốn lượn mềm mại trong khung cảnh thiên nhiên.

- Bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá, di tích lịch sử - cảnh quan tự nhiên đặc biệt và hệ thống các hồ nước, suối tự nhiên. Tận dụng tối đa tiềm năng của khu vực cửa ngõ đô thị có thể phát triển các dự án đô thị hỗn hợp, tạo ra không gian năng động, không gian điem nhân cho cảnh quan khu vực cửa ngõ đô thị. Đảm bảo quy hoạch giao thông tại các cửa ngõ hợp lý, có thể mở rộng hạ tầng giao thông kết hợp với các hạng mục phụ trợ.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đối với từng tuyến đường và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng được xác định cụ thể tại “QH-13 Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng” và các quy định hiện hành.

- Mật độ xây dựng gộp và tầng cao: Khu vực ô phố được xác định đồng bộ về tính chất, mật độ xây dựng, tầng cao xây dựng, ngôn ngữ và hình thức kiến trúc, thể loại công trình. Bên cạnh đó, kết hợp hài hòa giữa các chức năng sử dụng đất khác nhau. Đối với các khu vực hiện trạng cần tôn trọng định hướng kiến trúc hiện tại, tôn tạo, phát triển và giữ gìn đặc trưng của các khu vực đô thị hiện hữu.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông:

7.1.1. Giao thông đường bộ

a) Giao thông đối ngoại

- Đường cao tốc HN – LS: Kết nối từ Thủ đô Hà Nội qua Bắc Ninh và tiếp cận phân khu tại cầu Như Nguyệt, chiều dài tuyến qua khu vực phân khu nghiên cứu khoảng 9,7km. Xây dựng, nâng cấp tuyến đường cao tốc dọc các hành lang kinh tế quan trọng và đô thị đối trọng, kết nối trực tiếp với thành phố Bắc Giang, Bắc Ninh nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông con lắc giữa phân khu với các thành phố trong vùng.

- QL.37: Trục giao thông đối ngoại theo hướng Đông Nam – Tây Bắc, kết nối với các khu vực đô thị Việt Yên, Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang và tỉnh Thái Nguyên, chiều dài tuyến qua khu vực phân khu khoảng 2,0 km. Điểm đầu tại cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn tại phường Quang Châu, điểm cuối trên địa bàn phường Hồng Thái.

- ĐT.298: Đoạn đi qua khu vực phân khu dài khoảng 50,0m, do hiện trạng dân cư hai bên không thể giải phóng được mặt bằng nên định hướng giữ nguyên quy mô tuyến đường theo hiện trạng.

- ĐT.295B: kết nối phân khu với tỉnh Bắc Ninh và thành phố Bắc Giang, chiều dài đoạn tuyến qua khu vực phân khu dài khoảng 9,9km.

- ĐT.298B (mới): là tuyến kết nối từ ĐT.295B cắt qua ĐT.298 và QL.37 kết nối ĐT.398 qua sông Cầu (cầu Hà Bắc 1) đi Bắc Ninh. Tổng chiều dài tuyến đi qua khu vực phân khu khoảng 2,6km.

- ĐT.398: là trục kết nối giữa cao tốc Hà Nội-Thái Nguyên và cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn kéo dài đi huyện Yên Dũng kết thúc tại ĐT.293 thuộc phạm vi xã Lão Hộ huyện Yên Dũng. Tổng chiều dài tuyến đi qua khu vực phân khu khoảng 10,0km.

- ĐT.398C: là đường gom bên phải cao tốc HN-LS (đi qua Việt Yên, Yên Dũng, thành phố Bắc Giang và Lạng Giang) chiều dài tuyến đi qua khu vực phân khu khoảng 10,0km, duy trì bề rộng mặt đường hiện trạng và hoàn thiện vỉa hè đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

- ĐT.398D: là đường gom bên trái cao tốc HN-LS (đi qua Việt Yên, Yên Dũng, thành phố Bắc Giang và Lạng Giang) chiều dài tuyến đi qua khu vực phân khu khoảng 10,0km, duy trì bề rộng mặt đường hiện trạng và hoàn thiện vỉa hè đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

b) Giao thông đối nội:

- Mạng lưới đường của phân khu được thiết kế dựa theo hướng tuyến đã được xác định trong quy hoạch chung đô thị Việt Yên và phù hợp với các dự án chi tiết trong khu vực. Mạng lưới đường được thiết kế theo dạng ô bàn cờ có chức năng liên kết các khu chức năng trong khu vực, tăng diện tích xây dựng công trình, đồng thời tạo sự thuận tiện trong giao thông nội bộ.

- Hệ thống đường giao thông của phân khu là sự kết hợp giữa các tuyến đường đô thị được xây dựng mới (đường chính đô thị, đường liên khu vực, đường chính khu vực, đường khu vực, đường phân khu vực) và hệ thống các tuyến đường hiện trạng dựa trên nguyên tắc tôn trọng hiện trạng, tôn trọng địa hình tự nhiên.

*** Phân cấp các tuyến đường đô thị theo quy mô như sau:**

- Cao tốc đô thị:

+ Mặt cắt (A-A) (Cao tốc HN – LS) lộ giới 85,0m-150,0m đã bao gồm đường gom hai bên (Bên phải là ĐT.398C với lộ giới 17,0m-:-20,0m bao gồm lòng đường rộng 11,0m; vỉa hè rộng 3,0m+(3,0m-:-6,0m)=6,0m-:-9,0m và bên trái là ĐT.398D với lộ giới 16,5m-:-19,5m bao gồm lòng đường rộng 10,5m; vỉa hè rộng 3,0m+(3,0m-:-6,0m)=6,0m-:-9,0m). Trong đó lòng đường cao tốc rộng 2x18,0m=36,0m; dải phân cách giữa rộng 1,5m; dải an toàn rộng 2x0,75m=1,5m, lề đường rộng 2x0,75m=1,5m.

- Đường chính đô thị:

+ Mặt cắt (B-B) (QL.37) lộ giới 74,5m bao gồm lòng đường rộng 26,0m, vỉa hè rộng 2x5,0m=10,0m; đường gom bên phải rộng 7,5m, vỉa hè rộng 2x5,0m=10,0m; đường gom bên trái rộng 9,0m, vỉa hè rộng 5,0m+3,0m=8,0m, dải trồng cây rộng 4,0m;

+ Mặt cắt (B'-B') (QL.37) lộ giới 57,0m bao gồm lòng đường rộng 26,0m, vỉa hè 2x5,0m=10,0m; đường gom bên trái rộng 9,0m, vỉa hè rộng 5,0m+3,0m=8,0m, dải trồng cây rộng 4,0m;

+ Mặt cắt (B''-B'') (QL.37) lộ giới 53,5m bao gồm lòng đường chính rộng 26,0m, vỉa hè rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$; đường gom bên phải rộng 7,5m, vỉa hè rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (C-C) (ĐT.398) lộ giới 60,0m bao gồm lòng đường chính rộng $2 \times 11,25\text{m} = 22,5\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 1,5m; lòng đường gom hai bên rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách đường gom rộng $2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 6,5\text{m} = 13,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (C'-C') (ĐT.398) lộ giới 56,5m bao gồm lòng đường chính rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 1,5m; lòng đường gom hai bên rộng $2 \times 9,0\text{m} = 18,0\text{m}$; dải phân cách đường gom rộng $2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (C''-C'') (ĐT.398) lộ giới 32,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 4,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

+ Mặt cắt (D-D) (ĐT.295B, ĐT.298B) lộ giới 27,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (D'-D') (ĐT.295B) lộ giới 33,0m bao gồm lòng đường rộng 21,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (E-E) (ĐT.298) lộ giới 20,6m bao gồm lòng đường rộng 8,6m; vỉa hè 2 bên rộng $6,0\text{m} \times 2 = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (F-F) (ĐT.298B) lộ giới 56,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 15,0\text{m} = 30,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 10,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (1C-1C) lộ giới 60,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 6,0m; lòng đường gom hai bên rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; dải phân cách đường gom rộng $2 \times 1,5\text{m} = 3,0\text{m}$; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (2C-2C) lộ giới 56,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 15,0\text{m} = 30,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 10,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (3C-3C) lộ giới 49,5m bao gồm lòng đường tuyến chính rộng $2 \times 12,5\text{m} = 25,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 2,0m; lòng đường gom trái rộng 9,0m; dải phân cách giữa đường gom và đường tuyến chính rộng 7,0m; vỉa hè 2 bên rộng $1,5 + 5,0\text{m} = 6,5\text{m}$;

+ Mặt cắt (4C-4C) lộ giới 49,0m bao gồm lòng đường tuyến chính rộng $2 \times 12,5\text{m} = 25,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 2,0m; lòng đường gom trái rộng 9,0m; dải phân cách giữa đường gom và đường tuyến chính rộng 5,0m; vỉa hè 2 bên rộng $3,0 + 5,0\text{m} = 8,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (5C-5C) lộ giới 42,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 12,0\text{m} = 24,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 6,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (6C-6C) lộ giới 40,5m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 11,25\text{m} = 22,5\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 6,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (9C-9C) lộ giới 41,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 8,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (12C-12C) lộ giới 37,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 4,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (14C-14C) lộ giới 36,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 3,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (16C-16C) lộ giới 36,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 9,0\text{m} = 18,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 6,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (20C-20C) lộ giới 32,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 4,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (24C-24C) lộ giới 35,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 8,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (26C-26C) lộ giới 34,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 3,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$.

- Đường liên khu vực:

+ Mặt cắt (15L-15L) lộ giới 33,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 2,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (32L-32L) lộ giới 27,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

- Đường chính khu vực:

+ Mặt cắt (13K-13K) lộ giới 34,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 4,0m; vỉa hè 2 bên rộng $6,0 + 3,0\text{m} = 9,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (19K-19K) lộ giới 27,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 8,25\text{m} = 16,5\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 0,5m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$.

+ Mặt cắt (23K-23K) lộ giới 30,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 2,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (27K-27K) lộ giới 29,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 2,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (31K-31K) lộ giới 33,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 9,0\text{m} = 18,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (32K-32K) lộ giới 27,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (33K-33K) lộ giới 25,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (35K-35K) lộ giới 25,0m bao gồm lòng đường rộng 13,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (36K-36K) lộ giới 24,0m bao gồm lòng đường rộng 12,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (41K-41K) lộ giới 22,5m bao gồm lòng đường rộng 10,5m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

- Đường khu vực:

+ Mặt cắt (11V-11V) lộ giới 38,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 5,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (20V-20V) lộ giới 32,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 4,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (22V-22V) lộ giới 32,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 2,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 7,0\text{m} = 14,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (30V-30V) lộ giới 27,5m bao gồm lòng đường rộng 15,5m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (32V-32V) lộ giới 27,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (33V-33V) lộ giới 25,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (34V-34V) lộ giới 24,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $3,0 + 6,0\text{m} = 9,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (36V-36V) lộ giới 24,0m bao gồm lòng đường rộng 12,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (39V-39V) lộ giới 21,25m bao gồm lòng đường rộng 11,25m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (41V-41V) lộ giới 22,5m bao gồm lòng đường rộng 10,5m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (K-K) (Đê sông Cầu) lộ giới rộng từ 13,5-20,0m bao gồm lòng đường rộng từ 7,5-12,0m, vỉa hè 2 bên rộng 6,0m($2 \times 3,0\text{m}$)-8,0m($2 \times 4,0\text{m}$).

- Đường phân khu vực:

+ Mặt cắt (5P-5P) lộ giới 42,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 12,0\text{m} = 24,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 6,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (7P-7P) lộ giới 56,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 11,0\text{m} = 22,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 18,0m; vỉa hè rộng $2 \times (6+2)\text{m} = 16,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (8P-8P) lộ giới 46,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 9,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (10P-10P) lộ giới 39,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 6,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (17P-17P) lộ giới 32,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 9,5\text{m} = 19,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 4,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 4,5\text{m} = 9,0\text{m}$;

- + Mặt cắt (18P-18P) lộ giới 31,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 8,5\text{m} = 17,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 2,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (21P-21P) lộ giới 35,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 3,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (25P-25P) lộ giới 31,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 4,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (26P-26P) lộ giới 34,0m bao gồm lòng đường rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 3,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (28P-28P) lộ giới 31,0m bao gồm lòng đường rộng 19,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (29P-29P) lộ giới 29,0m bao gồm lòng đường rộng 17,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (32P-32P) lộ giới 27,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (33P-33P) lộ giới 25,0m bao gồm lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (36P-36P) lộ giới 24,0m bao gồm lòng đường rộng 12,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (37P-37P) lộ giới 22,0m bao gồm lòng đường rộng 12,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (38P-38P) lộ giới 21,0m bao gồm lòng đường rộng 12,0m; vỉa hè 2 bên rộng $3,0 + 6,0\text{m} = 9,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (40P-40P) lộ giới 23,0m bao gồm lòng đường rộng 11,0m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (41P-41P) lộ giới 22,5m bao gồm lòng đường rộng 10,5m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (42P-42P) lộ giới 20,5m bao gồm lòng đường rộng 10,5m; vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$;
- + Mặt cắt (43P-43P) lộ giới 13,0-21,0m bao gồm lòng đường rộng 7,0-9,0m; vỉa hè 2 bên rộng 6,0m($2 \times 3,0\text{m}$)-12,0m($2 \times 6,0\text{m}$).

- Phân cấp các tuyến đường đô thị và quy mô mặt cắt chi tiết được xác định cụ thể tại “QH-13 Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng”.

- **Đường đê sông Cầu:** Đầu tư nâng cấp mở rộng nhằm tăng cường khả năng kết nối phường Ninh Sơn, phường Quang Châu, phường Vân Trung với các xã phường khác của thị xã Việt Yên và các địa phương khác. Tổng chiều dài nâng cấp mở rộng trong phạm vi phân khu khoảng 12,8km. Đoạn tuyến đi trùng với các tuyến đường huyện, đường xã tuân thủ theo lộ giới được quản lý các tuyến đường đó. Đoạn đi trùng với các khu quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt

tuân thủ theo quy mô lộ giới của các khu quy hoạch chi tiết. Khi triển khai dự án phải phối hợp với các cơ quan quản lý đề điều để thực hiện theo các quy hoạch, dự án chuyên ngành.

- **Đường huyện:** Các tuyến đường huyện trong phạm vi phân khu đã được chuyển về đường xã, giao cho xã, phường quản lý theo quy mô lộ giới từ 4,0-36,0m. Đoạn không qua khu dân cư hiện trạng sẽ thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt.

- **Đường xã, đường thôn xóm:** Đầu tư nâng cấp mở rộng phục vụ nhu cầu phát triển dân sinh trên cơ sở phù hợp với quỹ đất hiện trạng, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và tuân thủ các quy định hiện hành.

7.1.2. Giao thông đường sắt

- Cơ bản duy trì, từng bước đầu tư, nâng cấp, điện khí hóa tuyến đường sắt quốc gia Hà Nội – Lạng Sơn. Chi tiết thực hiện theo quy hoạch chuyên ngành.

- Tuyến đường sắt nội vùng sử dụng kết hợp chung với tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng (tiến trình đầu tư sau 2030). Chi tiết quy mô, hướng tuyến được cụ thể hóa tại các quy hoạch, dự án chuyên ngành.

- Xây dựng các cầu vượt đường sắt tại các điểm giao cắt giữa đường sắt với các tuyến đường bộ có lưu lượng giao thông lớn của phân khu. Từng bước xóa bỏ các đường ngang dân sinh, xây dựng hệ thống đường ngang có phòng vệ, đường gom, rào cách ly, rào bảo vệ hành lang an toàn.

- Hệ thống các công trình phục vụ đường sắt: Nghiên cứu mở rộng ga Sen Hồ (Km39+260), vừa phục vụ hàng hóa, hành khách (đặc biệt vai trò ga đầu mối của các KCN) quy mô khoảng 20ha tại phường Nénh.

7.1.3. Đường thủy

* Đường thủy nội địa quốc gia:

- Duy tu, nạo vét thông luồng với tiêu chuẩn luồng tuyến đạt cấp III với chiều sâu mớn nước >2,8 m, chiều rộng luồng >40 m.

- Cảng tổng hợp: Quy hoạch mới 02 cảng được chia làm 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn từ nay đến năm 2030: Quy hoạch cảng Quang Châu loại III diện tích 10ha, cỡ tàu 400-600 tấn, công suất 700 nghìn tấn/năm.

+ Giai đoạn từ năm 2030 đến năm 2045: Quy hoạch cảng Vân Trung loại III diện tích 10ha, cỡ tàu 400-600 tấn, công suất 700 nghìn tấn/năm.

* Đường thủy nội địa địa phương:

- Đường thủy: Đầu tư nạo vét các tuyến đường thủy có thủy văn ổn định.

- Cảng chuyên dùng: Quy hoạch cảng xăng dầu Quang Châu loại III diện tích 9,7ha, cỡ tàu 400 tấn, công suất 575 nghìn tấn/năm.

- Bến khách ngang sông: Nâng cấp đường lên xuống bến, nơi chờ, cắm biển báo đảm bảo luân chuyển thuận lợi giữa giao thông đường bộ và đường thủy.

- Ngoài ra, trên cơ sở tổ hợp một số bãi vật liệu xây dựng hiện nay, quy hoạch thành cụm bến (cảng quy mô nhỏ) vật liệu xây dựng có quy mô nhỏ dọc theo sông Cầu.

7.1.4. Công trình giao thông

- Cầu: Tiếp tục cải tạo nâng cấp các cầu hiện trạng trên các tuyến phù hợp với cấp hạng đường, xây dựng mới 02 cầu qua sông Cầu.

- Nút giao thông: Xây dựng 02 nút giao trực thông (cầu vượt trên đường cao tốc) kết nối các đường trục chính, đường liên khu vực qua cao tốc HN-LS. Xây dựng 01 cầu vượt nằm trên ĐT.298B vượt ĐT.398 tại phường Ninh Sơn. Xây dựng 03 cầu vượt tại các nút giao giữa đường sắt với đường đô thị và các đường chính đô thị (khoảng tĩnh không với đường sắt tối thiểu đạt 6,55m). Xây dựng các nút giao thông đồng mức có bố trí đảo xuyên tại các nút giao giữa các đường chính đô thị và vành đai của đô thị Việt Yên.

- Hàm giao thông: duy trì cải tạo nâng cấp một số hàm chui dân sinh hiện trạng qua đường cao tốc HN-LS và đầu tư xây dựng mới 03 hàm chui (qua đường sắt HN-LS đảm bảo thuận lợi giao thông kết nối giữa đường bộ và đường sắt).

- Xây dựng hệ thống các bến, bãi đỗ xe: Xây dựng các bến xe tạo thuận lợi trong việc kết nối giao thông và chuyển tiếp với các phương thức vận tải khác, đáp ứng nhu cầu đi lại và giao thương hàng hóa tại địa phương và khu vực, cụ thể:

+ Bến xe số 1: là bến xe liên tỉnh tại Vân Cốc, phường Vân Trung (theo quy hoạch của UBND tỉnh đã phê duyệt, gần cao tốc HN - LS và đường huyện Sen Hồ – Trúc Tay) đạt tiêu chuẩn bến xe loại 3 (diện tích tối thiểu 5.000m²).

+ Bến xe số 2: là bến xe kết hợp bãi đỗ xe tỉnh tại phường Nénh nằm sát ĐT.295B (diện tích tối thiểu 5.000m²).

+ Ngoài ra, xây dựng các bãi đỗ xe đảm bảo cho nhu cầu nội tại của từng khu chức năng.

8.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

8.2.1. Quy hoạch cao độ nền xây dựng

- San gạt tạo mặt bằng công trình, nền đường giao thông đảm bảo nền khu đất xây dựng an toàn, ổn định, không bị ngập úng.

- Đối với khu vực cải tạo xây dựng: khi xây dựng xen cây tôn trọng cao độ nền hiện trạng, bảo đảm hài hòa với khu vực đã xây dựng, chỉ san ủi cục bộ khi hình thành các tuyến giao thông nội bộ, tạo độ dốc hợp lý để giao thông và thoát nước mặt hợp lý. Cao độ xây dựng không chế bám sát vào các tuyến đường hiện trạng.

- Đối với khu vực dự án đã triển khai giữ nguyên cao độ hiện hữu vượt nối hợp lý với khu vực lân cận.

- Đối với khu vực phát triển xây dựng mới cao độ xây dựng không chế cho từng khu vực như sau:

+ Khu cây xanh, công viên: có xây dựng công trình $H_{min} \geq +3,6m$ (cây xanh, cảnh quan sẽ cơ bản giữ cốt hiện trạng chỉ san lấp cục bộ phục vụ tiêu thoát nước).

+ Khu công nghiệp: $H \geq +2,8m$.

+ Các khu vực đất ở, đất dịch vụ công cộng và đất khác: $H \geq +4,0m$.

8.2.2. Quy hoạch thoát nước mưa

- Lưu vực và hướng thoát nước: Hướng thoát nước chính là Đông – Tây; Tây – Đông và Tây Bắc-Đông Nam. Phân chia lưu vực căn cứ theo địa hình hiện trạng, hướng tự thủy và phân cách đường giao thông, đường sắt. Khu vực được chia làm 03 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1 (thuộc Lưu vực 3 đô thị Việt Yên): Hướng thoát về ngòi Cống Bún qua thành phố Bắc Giang, cuối cùng thoát ra sông Thương. Lưu vực 1 bao gồm phần lớn phường Nénh, Tăng Tiến, Hồng Thái và một phần nhỏ phường Vân Trung. Diện tích lưu vực 1 khoảng 1508ha.

+ Lưu vực 2 (thuộc Lưu vực 4.2 đô thị Việt Yên): Hướng thoát về sông Cầu qua các trạm bơm tiêu Đông Tiến, Quang Biểu, Trúc Tay. Lưu vực bao gồm phần lớn phường Quang Châu, một phần phường Vân Trung và phần nhỏ phường Nénh. Diện tích lưu vực 2 khoảng 2170ha.

+ Lưu vực 3 (thuộc Lưu vực 4.1 đô thị Việt Yên): Hướng thoát về sông Cầu qua các trạm bơm tiêu Hữu Nghi, Giá Sơn, Nội Ninh. Lưu vực bao gồm phần lớn phường Ninh Sơn, một phần phường Quang Châu và Nénh. Diện tích lưu vực 2 khoảng 719ha.

- Đường cống thoát nước mưa có kích thước D600-D2000mm hoặc B800-B4000mm.

8.2.3. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật khác

a) Cải tạo, mở rộng, xây mới kênh tiêu thoát nước, hồ điều hòa

- Theo Quy hoạch chung đô thị Việt Yên được phê duyệt có các tuyến kênh cần được cải tạo, mở rộng để đáp ứng được tiêu thoát nước cho đô thị trong tương lai:

+ Kênh tiêu hoàn trả thuộc quy hoạch chi tiết Logistic Ninh Sơn phụ trách tiêu thoát nước cho diện tích khoảng 1287ha của phường Ninh Sơn.

+ Kênh tiêu hiện trạng phía bên trái cao tốc HN-LS theo hướng đi từ Hà Nội lên Lạng Sơn hiện đang phụ trách tiêu thoát nước cho diện tích khoảng 360ha của phường Quang Châu và 1 phần phường Nénh.

+ Kênh tiêu hiện trạng thuộc phường Nénh và KCN Quang Châu hiện đang phụ trách tiêu thoát nước cho diện tích khoảng 500ha của phường Nénh và 646ha thuộc phường Vân Trung và KCN Quang Châu.

+ Kênh tiêu hiện trạng ra ngòi Cống Bún đang phụ trách tiêu thoát nước cho diện tích khoảng 800ha thuộc các phường Hồng Thái, Tăng Tiến và 1 phần phường Nénh.

- Hồ điều hòa phường Nénh (nằm trong các đồ án QHCT) có diện tích thu nước từ đô thị Việt Yên khoảng 170ha. Với hệ số tiêu chung cho lưu vực khoảng 18,69 l/s.ha.

- Hồ điều hòa liên thông phường Quảng Minh và Ninh Sơn (nằm trong các đồ án QHCT) có diện tích thu nước từ đô thị Việt Yên khoảng 215ha. Với hệ số tiêu chung cho lưu vực khoảng 18,69 l/s.ha.

- Hồ điều hòa KCN Vân Trung có diện tích thu nước từ đô thị Việt Yên khoảng 210ha. Với hệ số tiêu chung cho lưu vực khoảng 18,69 l/s.ha.

- Đào mới các hồ điều hòa nằm trong ranh giới các đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, nhất là các hồ có tính liên thông với nhau, ưu tiên triển khai trước hạng mục hồ liên thông nhằm tiêu thoát nước cho cả khu vực và giảm tải cho hệ thống cống thoát nước.

b) Hệ thống các trạm bơm tiêu

** Các trạm bơm tiêu giữ nguyên hiện trạng*

Các trạm bơm giữ nguyên hiện trạng theo định hướng Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như sau:

- Trạm bơm Trúc Tay công suất 95.720 m³/h, diện tích tiêu khoảng 1.146ha. Xây dựng hồ điều hòa cạnh trạm bơm Trúc Tay giúp điều hòa và lưu trữ nước mưa. Sau năm 2030 dự kiến sẽ được nâng cấp, cải tạo với quy mô công suất đảm bảo yêu cầu thoát nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đô thị Việt Yên.

- Trạm bơm Đông Tiến công suất 4.900 m³/h, diện tích tiêu khoảng 60ha. Xây dựng hồ điều hòa cạnh trạm bơm Đông Tiến giúp điều hòa và lưu trữ nước mưa.

- Trạm bơm Quang Biểu công suất 16.200 m³/h, diện tích tiêu khoảng 985ha. Sau năm 2030 dự kiến sẽ được nâng cấp, cải tạo với quy mô công suất đảm bảo yêu cầu thoát nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đô thị Việt Yên.

** Các trạm bơm cải tạo nâng cấp*

Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm tiêu theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như sau:

- Trạm bơm Hữu Nghi đã được nâng cấp xong công suất 5.400 m³/h, diện tích tiêu khoảng 135ha.

- Trạm bơm Giá Sơn đã nâng cấp xong công suất 10.000 m³/h, diện tích tiêu khoảng 330ha. Sau năm 2030 dự kiến sẽ được nâng cấp hoặc có phương án tiêu thoát nước đảm bảo yêu cầu thoát nước phục vụ kịp thời phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội đô thị Việt Yên.

- Trạm bơm Nội Ninh sẽ được nâng cấp đạt tối thiểu công suất 40.000 m³/h, diện tích tiêu khoảng 1.287ha. Sau năm 2030 dự kiến sẽ tiếp tục nâng cấp quy mô công suất đảm bảo yêu cầu thoát nước phục vụ kịp thời phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội đô thị Việt Yên.

8.3. Quy hoạch cấp nước

- Tổng lưu lượng dùng nước trung bình (tròn số): **125.000 m³/ngày.đêm.**

- Theo Quy hoạch chung đô thị Việt Yên được phê duyệt, khu vực quy hoạch (Phân khu số 02) thuộc phân vùng cấp nước số 1 số 2 và số 3. Nguồn cấp nước đảm bảo phù hợp Phương án phát triển hệ thống cấp nước tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050 trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 219/QĐ-TTg.

+ Nguồn cấp nước cho vùng 01 lấy nước chủ yếu từ các nhà máy nước: NMN Việt Yên, NMN DNP Bắc Giang;

+ Nguồn cấp nước cho vùng 02 chủ yếu lấy nước từ các nhà máy nước: NMN Quang Châu, NMN DNP Bắc Giang, NMN KCN Quang Châu, NMN KCN Vân Trung;

+ Nguồn cấp nước cho vùng 03 được lấy từ nhà máy nước sạch Bắc Giang.

- Công suất nguồn cấp: Nhà máy nước Việt Yên quy hoạch đến năm 2030 có công suất khoảng 45.000m³/ngđ, đến năm 2045 nâng công suất lên khoảng 60.000 m³/ngđ. Nhà máy nước Quang Châu quy hoạch đến năm 2030 có công suất khoảng 18.000 m³/ngđ, đến năm 2045 nâng công suất lên khoảng 30.000 m³/ngđ. Theo đồ án Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Nhà máy nước sạch thành phố Bắc Giang, lấy nguồn nước sông Thương, công suất hiện trạng khoảng 35.000 m³/ngđ và dự kiến nâng công suất lên 50.000 m³/ngđ vào năm 2030 và lên công suất 75.000 m³/ngđ vào năm 2045.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng và một số mạng nhánh có đường kính D110mm-D710mm, vật liệu ống cấp nước chủ yếu chọn ống HDPE và ống gang.

- Đường ống được chôn tính đến đỉnh ống sâu dưới mặt đất tối thiểu 0,5m và đối với ống qua đường xe chạy tối thiểu 0,7m và được luồn qua ống thép hoặc cống BTCT.

- Sử dụng mạng lưới chữa cháy kết hợp chung với cấp nước sinh hoạt và công nghiệp. Mạng lưới cấp nước chữa cháy sử dụng áp lực thấp.

- Mạng lưới cấp nước được tính toán với áp lực tự do 12m đảm bảo cấp nước cho nhà 2 tầng. Đối với những công trình cao tầng cần xây dựng bể chứa và trạm bơm tăng áp cục bộ.

8.4. Quy hoạch cấp điện

* **Tổng nhu cầu cấp điện:** khoảng 800 MVA.

* **Nguồn cấp điện:** Nguồn cấp điện hiện trạng cho Phân khu số 02 được lấy chủ yếu từ trạm biến áp 110kV Đình Trám, 110kV Quang Châu, 110kV Quang Châu 2, 110kV Việt Hàn, 110kV Vân Trung, 110kV Vân Trung 2.

* **Lưới điện truyền tải 500kV, 220kV:** Giữ nguyên hiện trạng tuyến điện 220kV, 500kV và đảm bảo hành lang an toàn điện cho tuyến này.

* **Lưới điện phân phối 110kV:** Đến năm 2030 quy hoạch mới 4 TBA 110kV bao gồm các trạm 110kV Quang Châu 3, 110kV Quang Châu 4, 110kV Vân Trung 3, 110kV Việt Hàn 2 và các xuất tuyến, nhánh rẽ cấp điện cho các TBA 110kV. Giữ nguyên hiện trạng tuyến điện 110kV và đảm bảo hành lang an toàn điện cho tuyến này.

* **Lưới điện trung thế:**

- Giai đoạn trước mắt sử dụng đồng thời lưới điện 22kV và 35kV.
- Giai đoạn dài hạn cải tạo toàn bộ lưới 35kV thành 22kV, kiên nghị chỉnh trang, cải tạo các tuyến điện trung thế 35,22kV trong khu vực dân cư, khu vực nào có khả năng hạ ngầm sẽ nấn chỉnh hạ ngầm theo đường giao thông. Khu vực xây dựng mới toàn bộ hạ ngầm các tuyến điện trung thế 22, 35kV.
- Thiết kế các tuyến điện 22kV chạy dọc theo các tuyến đường chính, có liên kết với nhau hoặc dạng mạch vòng cung cấp điện cho toàn khu vực.

* **Trạm lưới 22/0,4kV:**

- Theo tính toán nhu cầu dụng điện của khu vực khoảng 800 MVA dự kiến sẽ xây dựng các trạm lưới 22/0,4kV đủ đáp ứng nhu cầu phụ tải không xảy ra tình trạng quá tải cho các máy biến áp lưới.

- Công suất trạm: Được lựa chọn phù hợp mật độ phụ tải với hệ số mang tải từ 65% trở lên.

* **Lưới 0,4kV:**

- Hệ thống lưới điện hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220V ba pha bốn dây, trung tính nối đất trực tiếp. Lưới hạ thế khu vực sử dụng cáp ngầm được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực đi trong rãnh cáp hạ thế.

- Bán kính lưới điện hạ áp đối với khu vực dân cư phân tán không quá 1.200m, ở khu vực các phường bán kính hạ áp không quá 300m.

- Đầu tư xây dựng mới đường dây 0,4 kV cấp điện sinh hoạt cho khu đô thị, các tủ điện hạ thế dùng vật liệu composite. Cáp ngầm sử dụng là loại 0,6/1kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC có tiết diện từ 16 mm² đến 240 mm².

* **Mạng lưới chiếu sáng:**

- Chỉ tiêu chiếu sáng đường đảm bảo độ chói của mỗi loại đường. Toàn bộ các đường có mặt cắt $\geq 3,5$ m đều được chiếu sáng. Đường có mặt cắt ≥ 15 m bố trí 2 tuyến chiếu sáng 2 bên đường.

- Chiếu sáng đường dùng đèn led cao áp có công suất phù hợp, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

8.5. Quy hoạch thông tin liên lạc

- Từng bước thay thế các trạm BTS hiện trạng bằng trạm BTS đa năng thân thiện môi trường, góp phần cải thiện bộ mặt cảnh quan đô thị. Số lượng trạm BTS xây dựng đến năm 2045 dự kiến khoảng 350 trạm BTS để đáp ứng nhu cầu phát triển của đô thị.

- Ngoài ra, khi thực hiện các đồ án quy hoạch chi tiết cần bố trí hạ tầng phục vụ mạng 5G với bán kính phục vụ phù hợp với Quy hoạch chung thị xã Việt Yên và Quy hoạch tỉnh Bắc Giang.

- Dự báo nhu cầu thuê bao: Nhu cầu toàn khu vực khoảng 58.480 thuê bao.

- Chuyển mạch: Khu vực nghiên cứu thiết kế cần đầu nối 1 tuyến tín hiệu chính từ Host trung tâm thị xã Việt Yên đến; Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn: tuyến truyền dẫn nội thị 20Gbps, tuyến vòng Ring chính 100Gbps.

- Truyền dẫn: Sử dụng tuyến cáp quang từ trạm chuyển mạch thị xã Việt Yên đến, hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành.

8.6. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

8.6.1. Quy hoạch thoát nước thải

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt trung bình ngày của khu vực khoảng: **23.350 m³/ngày.đêm.**

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp trung bình khoảng: **72.000 m³/ngày.đêm.**

- Toàn khu vực chia làm 3 lưu vực thoát nước thải:

+ Lưu vực 1: Bao gồm phần phía Đông Bắc, lưu vực có diện tích khoảng 1.123ha. Theo QHC đô thị Việt Yên, nước thải của lưu vực được thu gom thoát về trạm xử lý nước thải tập trung TXLNT-1 (CS=18.500m³/n.đ) đặt tại tổ dân phố Đông, phường Bích Động.

+ Lưu vực 2: Bao gồm phần trung tâm và phía Tây Nam, lưu vực có diện tích khoảng 2.456ha. Theo QHC đô thị Việt Yên, nước thải của lưu vực được thu gom thoát về trạm xử lý nước thải tập trung TXLNT-2 (CS=13.000m³/ng.đ) tại TDP Nam Ngạn, phường Quang Châu.

+ Lưu vực 3: Bao gồm phía Tây, lưu vực có diện tích khoảng 718ha. Theo QHC đô thị Việt Yên, nước thải của lưu vực được thu gom thoát về trạm xử lý nước thải tập trung TXLNT-3 (CS=16.000m³/ng.đ) đặt tại khu đất nông nghiệp thuộc 2 xã Tiên Sơn và Trung Sơn.

- Hệ thống đường ống thoát nước có đường kính D300-D600mm, có độ dốc tối thiểu $i \geq 1/D$, bố trí trên hè dọc theo các tuyến đường giao thông để thuận lợi cho việc quản lý và bảo dưỡng.

- Nước thải từ KCN, CCN sẽ được thu gom về trạm xử lý nước thải đặt trong các KCN, CCN. Nước thải y tế phải xử lý đạt Quy chuẩn áp dụng đối với

nước thải y tế tại QCVN 28:2010/BTNMT do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành sau đó mới được xả ra hệ thống thoát nước sinh hoạt.

8.6.2. Quy hoạch chất thải rắn và nghĩa trang

*** Quy hoạch quản lý CTR:**

- Bố trí các điểm tập kết CTR tại các khu vực cây xanh, khu vực thuận lợi khác trong đô thị với bán kính phục vụ là 1km một điểm (trương ứng với trạm trung chuyển CTR không cố định cỡ vừa).

- Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được phân loại tại nguồn thành các loại: vô cơ, hữu cơ, nguy hại... sau đó được thu gom, vận chuyển về nhà máy xử lý rác khu vực tại Phường Đa Mai, TP. Bắc Giang.

- Chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại được đưa về xử lý tại khu xử lý CTR của đô thị tại xã Thượng Lan.

- Chất thải Y tế được thu gom, phân loại tại nguồn và xử lý tại các trung tâm Y tế còn chất thải nguy hại xử lý tại Khu xử lý CTR công nghiệp và nguy hại của đô thị tại xã Thượng Lan.

*** Quy hoạch nghĩa trang, nhà tang lễ**

- Các nghĩa trang nhỏ lẻ của các TDP từng bước sẽ dùng chôn cất, kết hợp tuyên truyền, vận động sử dụng hình thức hỏa táng để phù hợp với văn minh đô thị. Tổng diện tích đất nghĩa trang được quy hoạch tại Phân khu số 02 vào khoảng 70ha đã đảm bảo cho yêu cầu trong giai đoạn trước mắt của người dân. Lâu dài, khu vực quy hoạch sẽ sử dụng nghĩa trang tập chung của thị xã Việt Yên bố trí tại xã Minh Đức.

- Sử dụng nhà tang lễ chung đô thị tại phường Bích Động, phường Nénh theo quy hoạch.

9. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường

- Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn đô thị; duy trì hệ thống cây xanh cảnh quan, khôi phục hệ thống mặt nước, hồ điều hòa.

- Từng bước di dời các, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực trung tâm.

- Phân luồng giao thông hợp lý, hạn chế các phương tiện phát thải lớn đi qua khu vực trung tâm đô thị.

- Khu vực khu, cụm công nghiệp tập trung: Kiểm soát chặt chẽ việc xả thải trực tiếp các nguồn tiếp nhận; thu gom và xử lý triệt để nước thải phát sinh từ các nhà máy thành viên trong các khu, cụm công nghiệp bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

10. Quy định quản lý

Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo hồ sơ quy hoạch.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. UBND thị xã Việt Yên có trách nhiệm:

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan chức công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định của pháp luật, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử Cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Bắc Giang theo quy định;

- Tổ chức triển khai cắm mốc giới và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo đúng quy định; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn thị xã đảm bảo theo đúng quy định, tránh tình trạng lấn chiếm, vi phạm quy hoạch;

- Hoàn thiện hồ sơ, các nội dung thuyết minh, bản vẽ, quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch theo đúng quy định (sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Xây dựng đóng dấu thẩm định); Lưu trữ, lưu giữ hồ sơ của đồ án quy hoạch theo quy định pháp luật;

- Chịu trách nhiệm về: Nội dung, chất lượng đồ án quy hoạch và tính chính xác các số liệu khảo sát, đánh giá hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất, công trình...; tính chính xác các số liệu trong hồ sơ đồ án quy hoạch; đánh giá các dự án đầu tư xây dựng liên quan tại khu vực lập quy hoạch (tình hình, mức độ triển khai thực hiện) trong đó có các dự án nhà ở, khu dân cư, đô thị, sản xuất, kinh doanh,... trên địa bàn phù hợp với các định hướng liên quan tại Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết, phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đang triển khai thực hiện, không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình triển khai. Việc tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và cộng đồng dân cư, tiếp thu, giải trình đảm bảo theo đúng quy định.

2. Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND thị xã Việt Yên theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt đảm bảo quy định pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Việt Yên và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Q. Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD_{Trung}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn